

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/DS-ST

Ngày: 11-5- 2020

*“V/v tranh chấp bồi thường
thiệt hại về tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Sỹ Hùng

2. Ông Hà Trọng Tâm

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Bích Như – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

- **Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Cà Mau:** Ông Nguyễn Hữu Kim - Kiểm Sát Viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 564/2019/DS-ST ngày 24 tHng 12 năm 2019 về tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2020/QĐST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị S, sinh năm 1939 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị S: Bà Nguyễn Thị T – trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Ông Phạm Khải H, sinh năm: 1960 (có mặt).

Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1959 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Lự Quốc K, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp M, xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị S trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện như sau:

Bà có một phần đất 05 công tằm lớn tọa lạc tại ấp M, xã L, thành phố M. Năm 1995, bà cho con gái bà là Lưu Minh T mượn 02 công tằm lớn để canh tác, sử dụng, phần đất phía ngoài tiếp giáp với đường nước do Ủy ban nhân dân xã L vận động nhân dân làm ngang qua phần đất của bà.

Năm 2014 bà phát hiện ông Phạm Khải H và bà Nguyễn Ngọc H canh tác, sử dụng phần đất đã cho con gái mượn nói trên, bà hỏi lại bà T thì bà T cho rằng đã cố cho ông H và bà H. Bà có yêu cầu bà T chuộc lại đất nhưng ông H và bà H không

đồng ý vì cho rằng bà T đã bán phần đất này cho ông bà. Năm 2018 bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết và sau khi có bản án sơ thẩm bà đã được nhận lại đất vào năm 2019. Về việc làm đường nước, bà có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng ông H và bà H vẫn không đồng ý cho bà làm đường nước.

Từ khi tranh chấp năm 2018 đến nay, ông H không cho bà dẫn ống làm đường nước vào để sản xuất trồng lúa và canh tác nuôi tôm, dẫn đến 02 năm liền bà không sản xuất, canh tác được trên 03 công đất còn lại, đất nằm phía sau đất ông H đang quản lý, do vậy việc không cho bơm đường nước đã gây thiệt hại cho bà, mỗi năm làm 02 vụ lúa, 02 năm là 120 gia lúa, tôm mỗi tháng thu hoạch 02 con nước là 1.000.000đ, 02 năm là 24.000.000đ. Thời điểm tranh chấp năm 2018 và 2019 địa phương nhiều lần xuống giải quyết nhưng có không lập biên bản.

Nay bà yêu cầu ông Phạm Khải H và bà Nguyễn Ngọc H bồi thường thiệt hại cho bà số tiền 24.000.000đ và 120 gia lúa (lúa thần nông, 01 gia lúa trị giá 100.000đ, 120 gia lúa = 12.000.000đ). Tổng số tiền bà yêu cầu ông Hoàng, bà H bồi thường là 36.000.000đ.

Ông Phạm Khải H trình bày: Bà Lê Thị S có 01 phần đất nằm phía sau phần đất của ông đang canh tác, đất không có đường nước nên con trai bà S là ông Lưu Quốc K nhờ ông và ông Ngô Trường S đào bờ đê âm ống bơm nước canh tác. Khoảng 01 năm sau ông K có hỏi ông nhờ bơm nước vào ruộng ông để chuyển qua canh tác vài năm. Năm 2017, bà S và ông K khởi kiện ông ra tòa án về tranh chấp 02 công đất mà bà Lưu Minh T đã chuyển nhượng cho ông. Đến năm 2019 Tòa án giải quyết nên nay ông đã giao lại phần đất trên cho bà S. Do trong thời gian hai bên tranh chấp đất bà S không hùn tiền mua dầu bơm nước và cũng không nhờ đường nước từ đất của ông. Ông không có lỗi và cũng không gây thiệt hại gì cho bà S. Do vậy, ông không đồng ý yêu cầu bồi thường thiệt hại tổng số tiền 36.000.000đ của bà Lê Thị S.

Bà Nguyễn Ngọc H trình bày: Bà hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của ông Hoàng, bà không bổ sung ý kiến gì thêm.

Ông Lưu Quốc K trình bày: Anh là con trai của bà Lê Thị S và ở chung nhà với bà S, việc lúa và tôm bị thiệt hại trên 03 công đất tọa lạc ấp M, xã L, thành phố M là của bà S, anh chỉ đứng tên sổ mục kê, đất do bà S canh tác. Việc tôm và lúa bị thiệt hại bà S là tài sản của bà S. Nên nay anh không có ý kiến gì, anh cũng thống nhất theo lời trình bày của bà S.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt về tài sản do không trồng 02 vụ lúa và nuôi tôm trong 02 năm số tiền là 36.000.000đ. Thực tế ông H có đặt ống nước xả nước vào ruộng bà S, nguồn nước dư phần nào ảnh hưởng đến ruộng nuôi tôm bà S gây ô nhiễm nên gây thiệt hại cho tôm. Trong khi ông H cho rằng tự bà S do có tranh chấp đất nên tự ái không bơm nước là không có căn cứ do ông H có thỏa thuận việc cho bà S nhờ đường nước nên việc ông H không cho bơm nước vì vậy bà S mới có yêu cầu đến chính quyền địa phương giải quyết. Đồng thời, việc ông H không cho bơm đường nước và tháo nước ra vào dẫn đến không xả lúa được 02 năm thiệt hại trung bình của 03 công đất là 120 gia lúa

tường ứng 12.000.000 đồng. Mỗi tháng bà Sáu xỏ 02 lần tôm trung bình mỗi tháng thu hoạch khoảng 1.000.000 đồng nên 02 năm tương ứng 24.000.000 đồng.

Do đó, căn cứ Điều 594, 589 đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét chấp nhận yêu cầu nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện và chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 36.000.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm bà S được miễn theo quy định.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa các đương sự không nộp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ những chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, cụ thể là bồi thường thiệt hại về tài sản và bị đơn ông H có nơi cư trú tại ấp M, xã L, thành phố M, nên theo quy định tại khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lưu Quốc K có ý kiến xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp thấy rằng: Bà S cho rằng do ông H không cho bà dẫn ống bơm nước vào để sản xuất trồng lúa và canh tác nuôi tôm, dẫn đến 02 năm liền bà không sản xuất, canh tác được trên 03 công đất còn lại, phần đất nằm phía sau đất ông H đang quản lý, gây thiệt hại cho bà trong 02 năm là 120 gia lúa, tôm mỗi tháng thu hoạch 02 con nước là 1.000.000đ, 02 năm là 24.000.000đ, tổng số tiền 36.000.000 đồng. Nên bà yêu cầu vợ chồng ông H, bà H có trách nhiệm bồi thường cho bà số tiền này. Ông H và bà H thì cho rằng do năm 2018 đến năm 2019 giữa bà S và vợ chồng ông có tranh chấp đất và vụ việc thời điểm đó Tòa án đang thụ lý giải quyết. Do có mâu thuẫn nên bà S không hùn tiền mua dầu, nhớt bơm nước và cũng không yêu cầu ông nhờ ông bơm nước, ống dẫn nước thì vẫn còn nguyên. Việc bà S không canh tác trồng lúa và nuôi tôm không đạt hiệu quả là lỗi của bà S, ông không có lỗi làm tôm chết hay lúa chết trên đất bà S nên ông không đồng ý bồi thường theo yêu cầu nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của bà S là không đủ cơ sở. Bởi lẽ, bà S không có cung cấp chứng cứ chứng minh việc ông H không cho bà bơm nước là nguyên nhân trực tiếp gây thiệt hại cho phần đất vuông nuôi tôm của bà diện tích là 03 công, làm bà không xạ lúa và nuôi tôm không đạt hiệu quả trong thời gian 02 năm là năm 2018 và năm 2019. Vào thời gian trên bà S không trồng

lúa, và tôm bị thiệt hại bà cũng không có báo chính quyền địa phương lập biên bản ghi nhận có thiệt hại xảy ra. Thực tế trong khoảng thời gian năm 2018 đến năm 2019 bà xác định không có xạ lúa. Việc nuôi tôm bà vẫn thả con giống bình thường nhưng theo bà là không có đạt hiệu quả và tôm chết. Nhưng số lượng tôm chết thiệt hại bao nhiêu, nguyên nhân tôm chết như thế nào cũng chưa có cơ quan chuyên môn nào xác định. Bà S cũng không có chứng cứ chứng minh nguyên nhân tôm chết là do lỗi ông H. Tại thời điểm xảy ra sự việc cũng không có chứng cứ nào chứng minh việc bà cho rằng thiệt hại 120 gia lúa và 24.000.000 đồng từ thu hoạch tôm, điều này thực tế không có mà do bà tự suy luận ra là nếu có bơm nước thì bà sẽ xạ lúa, và nuôi tôm sẽ đạt được số tiền trung bình như bà yêu cầu nói trên. Nhưng đây chỉ là những suy luận của bà và hoàn toàn không có căn cứ và cơ sở chấp nhận.

Trong khi tại phiên tòa ông H xác định ông không có lỗi gây thiệt hại gì cho bà S do hai bên tranh chấp đất nên bà S không hỏi ông về việc bơm nước vào ruộng tôm, không hỏi tiền dầu, nhớt còn việc thiệt hại tôm như bà S khai là do bà S tự không trồng lúa và nuôi tôm ông không có hành vi gì trực tiếp gây thiệt hại tài sản cho bà S. Đồng thời, Hội đồng xét xử thấy hiện nay bà S không cung cấp chứng cứ nào thể hiện bà bị thiệt hại từ việc không cho bơm nước làm tôm chết, và lỗi của ông H bà H dẫn đến bà không trồng lúa, nuôi tôm đạt hiệu quả. Thiệt hại thực tế không chứng minh được. Vì vậy, việc thiệt hại về lúa và tôm theo yêu cầu của bà S buộc bị đơn bồi thường là không có chứng cứ và cơ sở chứng minh ông H có hành vi có lỗi trong việc gây ra thiệt hại lúa và tôm như bà S yêu cầu. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S là có căn cứ.

[3] Về án phí: Bà S không phải nộp án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận, do bà S được miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 584, 589, của Bộ luật dân sự; các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S về việc buộc ông Phạm Khải H và bà Nguyễn Ngọc H bồi thường thiệt hại số tiền 36.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị S không phải nộp đã được miễn dự nộp theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Lưu Quốc K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- THA dân sự TPCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Phạm Kim Cương